TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 607/2024/HS-PT
Ngày: 25 - 7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19 và 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 249/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Quốc H1 và Ngụy Hải C do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Nguyễn Văn H (tên thường gọi là H2), sinh năm 1966 tại Đồng Nai;

Nơi thường trú: P2/058, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Giám đốc Công ty TNHH X; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (đã chết năm 2021) và bà Phạm Thị H4, sinh năm 1945; có vợ là Bùi Thúy L, sinh năm 1975 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 10/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng bảo lĩnh, có mặt.

2. Lê Quốc H1, sinh năm 1968 tại tỉnh Bình Dương;

Nơi thường trú: Tổ D, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Giám đốc Công ty cổ phần X; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H5 (đã chết) và bà Lê Thị Tuyết Á (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh

năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 02/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng bảo lĩnh, có mặt.

3. Ngụy Hải C, sinh ngày 15/01/1973 tại Nam Định;

Nơi thường trú: 38/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp, chức vụ trước khi phạm tội: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; là đảng viên Đ1, sinh hoạt tại Chi bộ ấp G thuộc Đảng bộ xã G 3; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngụy Việt H6 (đã chết) và bà Ngụy Thị N (đã chết); có vợ là Trần Thị H7, sinh năm 1990 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 22/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng bảo lĩnh, có mặt.

Ngày 28/4/2020, Ủy ban kiểm tra huyện ủy T ra Quyết định số 161-QĐ/UBKTHU về việc đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Ngụy H từ ngày 28/4/2020 đến ngày 28/7/2020. Ngày 04/11/2020, Ủy ban kiểm tra huyện ủy T ra Quyết định số 10-QĐ/UBKTHU gia hạn đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Ngụy H từ ngày 28/7/2020 để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; trụ sở: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn Đ - Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; trụ sở: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Anh M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G 3, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Quyết định số 6894/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt "*Báo cáo kinh tế kĩ thuật công trình đường Đ - A*". Theo đó, công trình này có địa điểm thuộc xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nội dung, quy mô công trình như sau: Chiều dài toàn tuyến đường là 2.068 mét, nền đường rộng 5,0 mét, mặt đường rộng 4,0 mét, kết cấu mặt đường bằng lớp bê-tông xi-măng đá 1x2 M250, dày 16 cm; tổng vốn đầu tư là 3.906.607.784 đồng (trong đó chi phí xây lắp: 3.218.493.120 đồng, chi phí tư vấn quản lý dự án: 72.705.760 đồng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 237.916.541 đồng, chi phí khác: 22.346.201 đồng, chi phí dự phòng: 355.146.162 đồng). Nguồn vốn đầu tư công trình gồm: Ngân sách UBND tỉnh Đ hỗ trợ 40%, bằng: 1.287.000.000 đồng; ngân sách UBND huyện T hỗ trợ 30%, bằng: 1.132.000.000 đồng; nhân dân đóng góp 30%, bằng: 1.132.000.000 đồng; thời gian thực hiện dự án dự kiến từ năm 2014 - 2017. UBND huyện T giao cho UBND xã G 3 làm Chủ đầu tư.

Qua đấu thầu, Công ty trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi tắt là Công ty X) là đơn vị đã trúng thầu thi công công trình đường Đ - Ao Voi. Ngày 26/10/2015, Ngụy Hải C, Chủ tịch UBND xã G 3 đại diện Chủ đầu tư và Nguyễn Văn H, Giám đốc Công ty X, đại diện Nhà thầu ký kết "Hợp đồng thi công xây dựng số 17/2015/HĐKT", hình thức trọn gói, trị giá hợp đồng: 3.210.000.000 đồng, thời gian thi công: 120 ngày kể từ ngày 26/10/2015; về điều khoản thanh toán: theo tiến độ thi công và khối lượng hoàn thành từng đợt được Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn giám sát chấp nhận nghiệm thu; sau khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 95% giá trị hợp đồng, còn lại là 5% phí bảo hành công trình.

Cùng ngày 26/10/2015, Ngụy H đại diện Chủ đầu tư và Lê Quốc H1, Giám đốc Công ty cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X), đại diện Đơn vị tư vấn giám sát ký kết "Hợp đồng tư vấn giám sát thi công công trình số 25/2015/HĐGS", theo đó UBND xã G thuê Công ty X làm Đơn vị tư vấn giám sát công trình đường Đ - A.

Cùng ngày 26/10/2015, Ngụy H cấp Lệnh khởi công gói thầu: Xây lắp Công trình Đường Đ - A.

Từ ngày 26/10/2015 đến ngày 25/11/2015, Công ty X đã thi công hoàn thành 13 hạng mục thuộc Phần Nền đường và Phần Cống của Công trình, trị giá 649.767.093 đồng.

Do biết được thông tin Sở Tài chính tỉnh Đ đã chuyển số tiền Ngân sách tỉnh Đ hỗ trợ (40% giá trị xây lắp công trình = 1.287.000.000 đồng) cho UBND huyện T và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T đã tham mưu cho UBND huyện T lập dự toán chi bổ sung ngân sách cho UBND xã G 3, nên Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định khai tăng khối lượng công việc hoàn thành để được thanh toán số tiền trên.

Để cụ thể hóa mục đích, ngày 25/11/2015, Nguyễn Văn H làm văn bản cam kết với Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn giám sát xin được ứng số tiền 1.287.000.000 đồng với cam kết là sau khi nhận được tiền sẽ thực hiện hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Tiếp đó, ngày 30/12/2015, Nguyễn Văn H lập "Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành", đề nghị thanh toán 16 hạng mục với tổng số tiền là 1.325.871.119 đồng, trong đó Hiệp kê tăng thêm 03 hạng mục chưa thi công (bao gồm: Rải giấy dầu tạo mặt phẳng; sản xuất, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn nền, sân bãi mặt đường bê tông, mái taluy và kết cấu bê tông tương tự; thảm bê-tông mặt đường dày <= 25cm đá 1x2, vữa bê-tông M250). Tổng giá trị khai tăng khối lượng công việc hoàn thành đối với 03 hạng mục trên là 676.104.027 đồng. N1 và Lê Quốc H1 biết rõ Hiệp kê tăng thêm 03 hạng mục chưa thi công vào danh mục khối lượng công việc hoàn thành nhưng vẫn ký xác nhận vào "Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành", tạo điều kiện để H xin thanh toán số tiền 1.287.000.000 đồng.

Ngày 21/01/2016, Nguyễn Văn H lập "Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư" số 01/GĐN-UBND, "Giấy rút vốn đầu tư" (không số), đề nghị thanh toán số tiền

1.287.000.000 đồng, đưa cho C1 đầu tư. Ngụy H và chị Ngô Thị T, Kế toán UBND xã G 3 đã ký xác nhận cho H. Sau đó, H đem các tài liệu, chứng từ đã được C (đại diện Chủ đầu tư) và H1 (đại diện Đơn vị tư vấn giám sát) ký, nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện T, xin thanh toán số tiền 1.287.000.000 đồng. Ngày 28/01/2016, Kho bạc Nhà nước huyện T đã chuyển khoản số tiền 1.287.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng N2, Chi nhánh huyện T.

Sau khi được giải ngân số tiền 1.287.000.000 đồng, Công ty X ngưng thi công công trình đường Đ - A. Do có nhiều đơn tố cáo của nhân dân địa phương, Thanh tra và Công an huyện T tiến hành xác minh vụ việc, đến ngày 26/7/2017 (tức 15 tháng sau khi hết thời hạn thi công theo Hợp đồng thi công số 17/2015/HĐKT), Công ty X mới tiếp tục thi công thảm được 577,8 mét bê-tông mặt đường trên tổng số 2.068 mét dài toàn tuyến.

Tại Kết luận giám định tư pháp xây dựng số 22.1A/TTGĐ ngày 30/01/2018, Trung tâm giám định xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng tỉnh Đ xác định: Chiều dài tuyến đường thực tế đã thi công qua đo đạc là 577,8 mét (trong đó có 524,9 mét thuộc dự án và 52,9 mét nằm ngoài dự án). Khối lượng bê-tông xi-măng đá 1x2 M200 thực tế đã thi công là 391,735 m^3, giá trị thiệt hại do thay đổi mác bê-tông đối với phần nằm trong dự án (524,9 mét) là 27.833.540 đồng.

Tại Kết luận giám định tài chính số 1691/STC-KLGĐ ngày 09/4/2020, Sở Tài chính tỉnh Đ xác định: Nhà thầu thi công, Đơn vị tư vấn giám sát và Chủ đầu tư đã dàn xếp, thông đồng, nghiệm thu khai tăng khối lượng hoàn thành, làm sai khối lượng thanh toán, gây thất thoát, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 705.014.971 đồng (gồm 637.232.907 đồng đã thanh toán và 67.782.064 đồng trả lãi vay ngân hàng).

UBND tỉnh Đ yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 67.782.064 đồng cho ngân sách Nhà nước. Gia đình Nguyễn Văn H đã giao nộp số tiền 67.782.064 đồng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ.

Quá trình điều tra, Lê Quốc H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản Phụ lục Hợp đồng số 17/2015/PLHĐ ngày 24/02/2016 (bản photo) thể hiện đại diện Chủ đầu tư N1 và đại diện Nhà thầu là Nguyễn Văn H đã ký Phụ lục hợp đồng, gia hạn thời hạn thi công đến 30/12/2017. Ngụy H, Nguyễn Văn H khai đã ký vào Phụ lục hợp đồng nêu trên và nộp cho Kho bạc Nhà nước huyện T. Kết quả xác minh thể hiện Kho bạc Nhà nước huyện T không nhận các tài liệu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 01/02/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định (tóm tắt):

1. Căn cứ vào các điểm b, d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 224; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm c, điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Áp dụng thêm điểm b

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H; Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Ngụy Hải C, Lê Quốc H1 phạm tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng".

Xử phạt:

+ Nguyễn Văn H8 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 10/8/2021.

+ Lê Quốc H1 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 02/7/2020.

+ Ngụy H 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 22/10/2020.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Ngày 05/02/2024, N1 có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng đúng các quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, cụ thể là: Tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" là tội mới của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội về thi hành BLHS thì chỉ được áp dụng từ ngày 01/7/2016. Trong khi đó, hành vi ký nghiệm thu khối lượng công trình đã hoàn thành nằm trong dự toán khối lượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt của bị cáo đã xảy ra trước ngày 01/7/2016 nên bị cáo không phạm tội này. Ngoài ra, về hậu quả của vụ án chỉ thiệt hại 27.833.540 đồng, không phải như án sơ thẩm đã quy kết. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm và tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Ngày 05/02/2024, Lê Quốc H1 có đơn kháng cáo cho rằng: Việc làm của bị cáo không vi phạm về đầu tư xây dựng công trình gây hậu quả nghiêm trọng, cụ thể là: Công trình chưa nghiệm thu; bị cáo không dàn xếp thông đồng làm sai lệch kết quả dự án; khối lượng công việc đã thực hiện tương đương với số tiền đã nhận; không gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó, bị cáo không phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Ngày 06/02/2024, Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo cho rằng mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cáp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là quá nặng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo là trụ cột về kinh tế, hiện là lao động chính trong gia đình, có 4 con còn nhỏ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ban đầu các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đến phần tranh luận, các bị cáo Ngụy Hải C và Lê Quốc H1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin được giảm hình phạt với lý do các bị cáo phạm tội vì mong muốn hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương là xây dựng nông thôn mới, bản thân không vụ lợi, chiếm hưởng bất cứ khoản tiền nào từ khoản tiền Nguyễn Văn H đã được thanh toán thừa. Riêng bị cáo Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại khoản 2 Điều 224 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là thỏa đáng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không xuất trình được chứng cứ chứa đựng tình tiết mới để làm căn cứ xét giảm hình phạt cho các bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo. Về áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điểm b, d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 224 của Bộ luật hình sự là chồng chéo, mà chỉ cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 224 của Bộ luật hình sự là đủ, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo đều bày tỏ thái độ ăn năn hối hận về hành vi vi phạm:

Nguyễn Văn H mong Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt, vì mục đích bị cáo kê khống thêm các hạng mục không phải để chiếm đoạt tiền của Nhà nước, mà là để có vốn cho Công ty tiếp tục hoạt động trong hoàn cảnh Công ty thi công nhiều công trình ở địa phương có nguồn vốn từ Ngân sách, nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán đủ tiền; hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính, gia đình có 04 con còn nhỏ.

Lê Quốc H1 mong Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, vì bị cáo phạm tội do nể nang, muốn tạo điều kiện cho Nhà thầu có thêm nguồn vốn để duy trì hoạt động, trong hoàn cảnh Chủ đầu tư vẫn đang nợ Nhà thầu tiền từ công trình đã hoàn thành và địa phương cũng chưa thu được khoản tiền từ nhân dân đóng góp, bị cáo không có động cơ vụ lợi và cũng không được hưởng bất cứ lợi ích gì.

Ngụy Hải Châu mong Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo một phần hình phạt, vì bị cáo phạm tội do tin tưởng vào cam kết của phía Nhà thầu là sau khi ứng được tiền thì sẽ thi công công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, trong bối cảnh UBND xã G 3 vẫn đang nợ Công ty X hơn 1 tỷ đồng tiền từ công trình "Đường vào vùng chuyên canh rau sạch ấp T" và chưa thu được tiền từ nguồn nhân dân đóng góp, nên với mong muốn tạo điều kiện cho Nhà thầu có thêm

nguồn vốn để sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, cho bà con nhân dân có con đường kiên cố đi lại thuận lợi, góp phần hoàn thành được mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nên bị cáo đã ký xác tăng khống khối lượng công việc hoàn thành của Công ty X. Bị cáo không vụ lợi và cũng không hưởng bất cứ lợi ích gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, quan điểm tranh luận và lời nói sau cùng của các bị cáo, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngụy Hải C, Lê Quốc H1 và Nguyễn Văn H làm trong thời hạn luật định, phù hợp về hình thức, nên là cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào mới, đồng thời xác nhận trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm không bị mớm cung, ép cung, bức cung hay dùng nhục hình; lời khai trong quá trình tố tụng là của chính bản thân các bị cáo.

[2] Xét hành vi của các bị cáo đã thực hiện cũng như hậu quả của vụ án:

[2.1] Trong quá trình thi công công trình đường Đ - Ao Voi trên địa bàn xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, mặc dù Công ty X chỉ mới hoàn thành được 13 hạng mục, tổng trị giá 649.767.093 đồng, nhưng ngày 25/11/2015, Nguyễn Văn H với vai trò là Giám đốc Công ty X đã lập "Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành", đề nghị thanh toán 16 hạng mục (khai thêm 03 hạng mục chưa thi công vào danh mục các hạng mục đã hoàn thành), để làm thủ tục thanh toán số tiền 1.287.000.000 đồng, đồng thời làm bản cam kết với Ngụy Hải C và Lê Quốc H1 là sau khi ứng được tiền thì sẽ thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Ngụy H đại diện Chủ đầu tư và Lê Quốc H1 đại diện Đơn vị tư vấn giám sát tuy biết rõ việc H khai tăng 03 hạng mục thực tế chưa thi công và danh sách các hạng mục đã thi công hoàn thành, nhưng vẫn ký xác nhận vào "Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành", tạo điều kiện cho Công ty X đủ điều kiện được thanh toán số tiền 1.287.000.000 đồng từ ngân sách địa phương (cụ thể là số tiền do UBND tỉnh Đ hỗ trợ 40% giá trị công trình). Trên thực tế, ngày 28/01/2016, Kho bạc Nhà nước huyện T đã chuyển khoản số tiền 1.287.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty X mở tại Ngân hàng N2, Chi nhánh huyện T.

[2.2] Sau khi được thanh toán tiền, Nguyễn Văn H đã không chỉ đạo Công ty X tiếp tục thi công công trình, vi phạm cam kết với Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn giám sát. Ngụy Hải C là đại diện cho C1 đầu tư và Lê Quốc H1 là đại diện cho Đơn vị tư vấn giám sát khi thấy Công ty X ngừng thi công nhưng cũng không có biện pháp gì để yêu cầu, đôn đốc, nhắc nhở buộc Nhà thầu thực hiện đúng cam kết. Chỉ đến tháng 7/2017, khi bị cơ quan chức năng của huyện T

thanh tra, kiểm tra thì H mới chỉ đạo Công ty X thi công trở lại được một phần công trình. Như vậy, thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo phải được xác định tại thời điểm Nguyễn Văn H, được sự giúp sức của Ngụy Hải C và Lê Quốc H1, đã gian dối để được Kho bạc Nhà nước huyện T chuyển khoản thừa số tiền 637.232.907 đồng vào tài khoản của Công ty X. Việc thi công trở lại một phần công trình chỉ là biện pháp khắc phục hậu quả; việc kéo dài thời hạn thi công bằng cách đưa ra Phụ lục hợp đồng cũng chỉ là thủ đoạn đối phó với cơ quan chức năng, đều không làm thay đổi bản chất của vụ án. Trong đơn kháng cáo, Ngụy Hải C cho rằng thiệt hại chỉ là 27.833.540 đồng; còn Lê Quốc H1 cho rằng không có thiệt hại xảy ra đều là không có cơ sở chấp nhận. Khoản tiền 27.833.540 đồng chỉ là thiệt hại do Nhà thầu đã thi công mác bê-tông xi-măng thấp hơn (là M200) mác đã thỏa thuận trong hợp đồng (là M250), mà việc thi công này là sau 15 tháng kể từ ngày hết thời hạn thi công theo hợp đồng, khi sự việc đã bị phát giác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại là số tiền Công ty X được nhận vượt quá khối lượng công việc hoàn thành (tức 637.232.907 đồng) và số tiền lãi mà UBND tỉnh Đ phải trả Ngân hàng TMCP C2 theo Hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTD-NHCT ngày 21/12/2015 về việc vay vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn (tức 67.782.064 đồng) là có căn cứ. Ngoài ra, việc dừng thi công trong thời gian dài không chỉ khiến cho công trình chậm hoàn thành đưa vào sử dụng, mà còn làm giảm sút niềm tin của người dân địa phương vào chủ trương đúng đắn của chính quyền sở tại. Đây cũng phải được nhìn nhận là một dạng thiệt hại phi vật chất do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[2.3] Về việc sử dụng số tiền được thanh toán vượt quá, Nguyễn Văn H có lúc khai để trang trải cho hoạt động của Công ty như mua vật tư, vật liệu, trả lương cho công nhân, thuê mướn phương tiện cơ giới, có lúc lại khai để chi trả công nợ của công trình "Đường vào khu chuyên canh rau sạch ấp T" mà Chủ đầu tư còn nợ Công ty X số tiền trên 1 tỷ 300 triệu đồng sau khi công trình hoàn thành. Tuy nhiên, những hóa đơn, chứng từ H nộp tại Cơ quan điều tra lại thể hiện các khoản tiền mua xi-măng từ tháng 11/2015 và mua đá trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2017 là không phù hợp về thời điểm H rút được tiền từ công trình đường Đ-Ao Voi (tháng 01/2016). Cơ quan điều tra xác định H không chiếm đoạt số tiền được thanh toán vượt quá, mà đem sử dụng để trả tiền mua vật liệu thi công công trình "Đường vào vùng chuyên canh rau sạch ấp T" (cũng là công trình có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách và do UBND xã G 3 làm Chủ đầu tư) là có lợi cho các bị cáo.

[2.4] Hành vi của các bị cáo đã vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng và vi phạm về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách Nhà nước, gây ra thiệt hại như đã nêu trên, nên thỏa mãn dấu hiệu của tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", quy định tại Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Sự việc xảy ra từ đầu năm 2016, nhưng đến ngày 19/9/2018 thì cơ quan điều tra mới được khởi tố vụ án. Tại thời điểm khởi tố vụ án thì Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực, nên chiểu theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 của

Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội danh tương ứng để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm khởi tố, truy tố, xét xử sơ thẩm Nguyễn Văn H, Ngụy Hải C và Lê Quốc H1 về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá cụ thể về vai trò, động cơ, mục đích phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyễn Văn H đại diện cho Nhà thầu, nhưng đã chủ động kê khai tăng thêm 03 hạng mục chưa thi công vào danh sách những hạng mục đã hoàn thành, nhằm mục đích được thanh toán số tiền nhiều hơn giá trị phần công việc đã làm. Ngụy H đại diện Chủ đầu tư, có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng quy định, tránh thất thoát, lãng phí. Lê Quốc H1 đại diện Đơn vị tư vấn giám sát, có trách nhiệm nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình, đảm bảo chất lượng các hạng mục công trình đúng thiết kế, nghiệm thu toàn bộ công trình. C và H1 biết rõ Nguyễn Văn H đã khai tăng thêm khối lượng hoàn thành nhưng đã cố ý làm trái các nghĩa vụ luật định, ký tên, xác nhận vào "Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành" là hành vi giúp sức cho H làm sai lệch kết quả thi công, tạo điều kiện cho Nguyễn Văn H được thanh toán sai quy định, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Do đó trong vụ án này, Nguyễn Văn H giữ vai trò cao nhất, Ngụy Hải C và Lê Quốc H1 là đồng phạm.

[3.2] Giải trình về động cơ thực hiện hành vi vi phạm, H cho rằng do Công ty X thi công các công trình khác trên địa bàn xã G 3 nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán nên thiếu nguồn vốn để thi công; C cho rằng do tin tưởng H đã cam kết sau khi rút được tiền sẽ thi công hoàn thành công trình và với tư cách là Chủ tịch UBND xã G 3 nên cũng muốn công trình sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân địa phương đi lại, lưu thông nông sản, góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới; còn H1 cũng cho rằng vì nể nang H và đồng cảm với mong muốn của C.

[3.3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi sự việc bị phát giác, Nguyễn Văn H đã khắc phục hậu quả trước khi bị khởi tố, điều tra. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, đồng thời bày tỏ sự ăn năn hối hận. Lê Quốc H1, Ngụy H phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn H nhưng không vụ lợi và không được hưởng lợi gì. Ngụy Hải C có anh ruột là liệt sĩ. Lê Quốc H1 được tặng nhiều bằng khen trong thời gian quân ngũ và có nhiều thân nhân là người có công với đất nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và cho các bị cáo hưởng đầy đủ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt các bị cáo mức phạt tù có thời hạn ở dưới

mức thấp nhất của khung hình phạt, trong đó Lê Quốc H1 và Ngụy H chỉ bị xử mức phạt bằng 1/2 mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu nào mới làm căn cứ cho yêu cầu kháng cáo.

[4] Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cả khoản 1 và khoản 2 Điều 224 của Bộ luật hình sự là không chính xác, vì số tiền các bị cáo gây thiệt hại nằm trong phạm vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 224 của Bộ luật hình sự, đây là tình tiết định khung hình phạt; còn các điểm b, d khoản 1 Điều 224 của Bộ luật hình sự là cấu thành cơ bản, mô tả một số loại hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Quốc H1, Ngụy H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Tuyên bố Nguyễn Văn H, Ngụy Hải C, Lê Quốc H1 phạm tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng";

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 224; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn H.

Xử phạt:

+ Nguyễn Văn H8 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 10/8/2021.

+ Lê Quốc H1 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 02/7/2020.

+ Ngụy H 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến ngày 22/10/2020.

2/ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Nguyễn Văn H, Lê Quốc H1, Ngụy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cục thi hành án tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Văn